

KẾ HOẠCH

Tổ chức thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Yên Bái

Thực hiện Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chế độ trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Công văn số 2144/LĐTBOXH-BTXH ngày 1/6/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc Triển khai thực hiện Đề án “Đổi mới phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030”;

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Yên Bái cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đổi mới nhận thức của các cấp, các ngành, các tổ chức và người dân trên địa bàn tỉnh về công tác trợ giúp xã hội theo quan điểm: Đầu tư cho trợ giúp xã hội là đầu tư cho phát triển; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia các hoạt động trợ giúp xã hội;

Thực hiện có hiệu quả các chính sách trợ giúp xã hội đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thực hiện các biện pháp tự đảm bảo an sinh, chủ động khắc phục khó khăn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, từng bước vươn lên.

Cụ thể hóa trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương trong việc tổ chức thực hiện các chính sách trợ giúp các xã hội trên địa bàn tỉnh để nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách, góp phần đảm bảo an sinh xã hội; xây dựng xã hội công bằng, ổn định và phát triển bền vững.

2. Yêu cầu

Việc đổi mới, phát triển công tác trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh phải bám sát Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trợ giúp xã hội đồng thời phù hợp với các định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn cụ thể.

Đảm bảo trợ giúp kịp thời, toàn diện cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trong đó ưu tiên các đối tượng cần hỗ trợ khẩn cấp, các đối tượng là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người cao tuổi sống cô đơn, người khuyết tật...

Việc xây dựng, ban hành các chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của tỉnh phải đảm bảo khắc phục được những vướng mắc, bất cập về đối tượng, thủ tục, yếu tố tập quán văn hóa của cộng đồng dân cư khi triển khai áp dụng các chính sách trợ giúp trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Giai đoạn 2017- 2020

a) 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; 100% số đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hưởng chính sách theo quy định hiện hành được trợ cấp xã hội hàng tháng.

b) Ban hành chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của tỉnh theo hướng mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các nhóm: Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Chính phủ theo từng thời kỳ; trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng có hoàn cảnh khó khăn (ngoài chính sách của Trung ương).

c) 50% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 10% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

d) Phần đầu 50% số xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh thực hiện cập nhật, quản lý thông tin về các đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng trên địa bàn tỉnh bằng phần mềm quản lý.

2. Giai đoạn 2021 – 2025

a) 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; 100% số đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hưởng chính sách theo quy định hiện hành được trợ cấp xã hội hàng tháng.

b) Tiếp tục thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của tỉnh đối với người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi, không có lương hưu, trợ cấp

bảo hiểm xã hội hàng tháng thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Chính phủ theo từng thời kỳ; trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng có hoàn cảnh khó khăn (ngoài chính sách của Trung ương).

c) 70% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 30% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

d) 100% số xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh thực hiện cập nhật, quản lý thông tin về các đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng trên địa bàn tỉnh bằng phần mềm quản lý.

3. Tầm nhìn đến năm 2030

a) 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời.

b) Triển khai đầy đủ, kịp thời chính sách trợ giúp xã hội mới khi Chính phủ ban hành và các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn thực hiện.

c) Tiếp tục quan tâm và hiện chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của tỉnh đối với người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi, không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Chính phủ theo từng thời kỳ; trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng có hoàn cảnh khó khăn để đảm bảo cuộc sống cho họ.

d) 90% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 50% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

III. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong việc thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội. Nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ các cấp trong chỉ đạo, huy động nguồn lực và thực hiện trợ giúp xã hội.

2. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về trợ giúp xã hội như: Xây dựng chuyên đề, chuyên mục, tin, bài tuyên truyền trên Cổng Thông tin điện tử, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Yên Bái, Đài Truyền thanh-Truyền hình cấp huyện, xã; tổ chức cấp phát tài liệu, tờ rơi; tổ chức hội nghị, tư vấn, phổ biến chính sách... Trong đó đặc biệt chú trọng tới các hình thức tuyên truyền trực tiếp tại cấp cơ sở để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật của nhà nước về trợ giúp xã hội, từng bước làm thay đổi nhận thức của xã

hội về hoạt động trợ giúp xã hội từ khía cạnh hoạt động nhân đạo đơn thuần sang khía cạnh chia sẻ trách nhiệm xã hội trên cơ sở quyền con người.

3. Tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội

a) Tổ chức triển khai chính xác, đầy đủ, kịp thời các chính sách về trợ giúp thường xuyên và trợ giúp đột xuất theo đúng quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ.

b) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, gia đình, cộng đồng tham gia trợ giúp khẩn cấp; lồng ghép hoạt động trợ giúp khẩn cấp với các đề án, chương trình, chính sách liên quan ở các vùng thường xuyên bị thiên tai, lũ lụt, các vùng chịu tác động của biến đổi khí hậu có sự hỗ trợ của nhà nước.

4. Năm 2018 nghiên cứu ban hành và tổ chức thực hiện một số chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của tỉnh ngoài chính sách quy định của Trung ương cho các đối tượng sau:

- Trẻ em không có cha hoặc mẹ, người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng; trẻ em có cả cha và mẹ đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng; trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng do mồ côi cha, mẹ đi lấy chồng không thực hiện trách nhiệm nuôi con.

- Trẻ em không có cha hoặc mẹ, người còn lại đã bỏ đi khỏi địa phương từ 2 năm trở lên, đang trong thời gian làm thủ tục đề nghị tòa án ra tuyên bố mất tích và trẻ em có cả cha và mẹ đã bỏ đi khỏi địa phương từ 2 năm trở lên, đang trong thời gian làm thủ tục đề nghị tòa án ra tuyên bố mất tích mà người nuôi dưỡng thuộc hộ nghèo.

- Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi, không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Chính phủ theo từng thời kỳ.

5. Thực hiện công tác quản lý nhà nước về trợ giúp xã hội

a) Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh về trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh; Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện về trợ giúp xã hội trên địa bàn cấp huyện.

b) Cải cách thủ tục hành chính theo hướng rút ngắn thời gian, quy trình giải quyết chính sách trợ giúp xã hội dựa vào nhu cầu của người dân bảo đảm công khai, minh bạch.

c) Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giải quyết, chi trả trợ giúp xã hội, tích hợp dần các chính sách trợ giúp xã hội với các chính sách an sinh xã hội khác theo lộ trình thích hợp.

d) Triển khai tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên làm công tác trợ giúp xã hội.

đ) Thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, đặc biệt là chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội và các chính sách có liên quan.

6. Phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội

a) Tổ chức triển khai thực hiện tốt Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội tỉnh Yên Bái giai đoạn 2016-2025 theo Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 5/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

b) Thực hiện đa dạng hóa các dịch vụ do các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh cung cấp, trước mắt tập trung vào một số dịch vụ trợ giúp mà xã hội đang có nhu cầu lớn như: Dịch vụ chăm sóc tập trung tại cơ sở trợ giúp theo cơ chế tự nguyện; dịch vụ nhận chăm sóc trẻ em có thời hạn tại cộng đồng, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại gia đình.

c) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập trên địa bàn tỉnh để thực hiện quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và cung cấp dịch vụ công tác xã hội.

Phấn đấu xây dựng mô hình cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện, đến năm 2030 cứ 5.000 người dân có một nhân viên công tác xã hội, nhân viên trợ giúp xã hội chuyên nghiệp.

7. Huy động, sử dụng nguồn lực trợ giúp xã hội

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ ngân sách trợ giúp xã hội căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của các sở, ban, ngành và địa phương; đảm bảo để thực hiện các chính sách hiện hành.

b) Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí cho đối tượng sử dụng dịch vụ trợ giúp xã hội tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và một số cơ sở ngoài công lập có đủ điều kiện cung cấp theo khung giá và danh mục dịch vụ sự nghiệp công được pháp luật quy định.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa nguồn lực thực hiện trợ giúp xã hội, nhất là trợ giúp khẩn cấp.

8. Tranh thủ sự hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh về kỹ thuật, kinh nghiệm và nguồn lực để triển khai các hoạt động của kế hoạch.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và huy động từ sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; lồng ghép với dự án phát triển

trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế thuộc chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2020 và các chương trình, đề án về trợ giúp xã hội hợp pháp khác.

2. Hàng năm, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ được giao xây dựng dự toán ngân sách gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời, thực hiện lồng ghép nguồn kinh phí của chương trình, đề án, dự án khác có liên quan để thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

Nguồn kinh phí tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên, cộng tác viên, gia đình đối tượng; hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp cơ sở trợ giúp xã hội và các mô hình được thực hiện lồng ghép với các chương trình, đề án như: Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 1/4/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về phát triển nghề công tác xã hội tỉnh Yên Bái giai đoạn 2011-2020; Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 10/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về thực hiện Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần và rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2011-2025. Từ năm 2021, các nội dung này được bố trí dự toán từ ngân sách nhà nước theo Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội tỉnh Yên Bái giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến 2030.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tổ chức triển khai kế hoạch.

- Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của tỉnh và tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện kế hoạch theo từng giai đoạn.

Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch và báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan vận động các nguồn lực hỗ trợ cho việc thực hiện Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính

Hàng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo quy định. Hướng dẫn, kiểm tra quyết toán việc sử dụng kinh phí đúng quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng: Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến quan điểm chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trợ giúp xã hội, vận động xã hội nhằm thay đổi cách thức trợ giúp xã hội theo hướng tiên tiến, hiệu quả, nâng cao nhận thức về trách nhiệm các cơ quan, tổ chức, cá nhân, gia đình và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp đối tượng trợ giúp xã hội.

5. Các sở, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp triển khai thực hiện kế hoạch.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này và điều kiện thực tế của địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn.

- Triển khai thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội tại địa phương đảm bảo kịp thời, đầy đủ, đúng chính sách, đúng đối tượng.

- Cập nhật thông tin các đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội vào phần mềm để phục vụ cho công tác quản lý và thực hiện chính sách đạt hiệu quả.

- Chủ động bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Kế hoạch với các chương trình khác có liên quan trên địa bàn; tổ chức vận động các cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân hảo tâm tham gia trợ giúp các đối tượng yếu thế trên địa bàn.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Yên Bái và các tổ chức thành viên

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030" tỉnh Yên Bái. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện./.

N
Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- Chủ tịch, Phó CTUBND tỉnh (vx);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX. *h*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Văn Tiên
Dương Văn Tiên